

Số: 372/BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 04 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện Nghị quyết số 09/2012/NQ-HĐND
ngày 12/7/2012 của HĐND tỉnh về việc thông qua Đề án nâng
cao chất lượng giáo dục phổ thông trên địa bàn Quảng Ngãi
giai đoạn 2012-2015 và định hướng đến năm 2020**

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI

CV ĐẾN	Số:..... 9232.....
	Ngày: 11/12/15.....
	Chuyên:..... Thực

Thực hiện Nghị quyết số 09/2012/NQ-HĐND ngày 12/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 14/9/2012 về việc Phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông trên địa bàn Quảng Ngãi giai đoạn 2012-2015 và định hướng đến năm 2020, trên cơ sở đó tổ chức triển khai thực hiện và đạt kết quả như sau:

Phần thứ nhất

Thực hiện các nội dung đã được nêu trong Nghị quyết số 09/2012/NQ-HĐND ngày 12/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh

I. Tiếp tục nâng cao nhận thức của toàn xã hội về giáo dục toàn diện cho học sinh ở các cấp học; Không ngừng đổi mới công tác quản lý Nhà nước trong giáo dục; đẩy mạnh công tác kiểm định chất lượng giáo dục, công tác thanh tra, kiểm tra, thi đua, khen thưởng, gắn công tác kiểm định chất lượng giáo dục, kiểm định gắn liền với việc xây dựng trường chuẩn quốc gia; nâng cao đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục

1. Nâng cao nhận thức của toàn xã hội về giáo dục toàn diện cho học sinh ở các cấp học

Trên cơ sở Nghị quyết số 09/2012/NQ-HĐND ngày 12/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2012 làm cơ sở để ngành Giáo dục chủ công phối hợp với các Sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố tổ chức, thực hiện, trong đó UBND tỉnh đã giao trách nhiệm cho các cơ quan thông tin đại chúng nâng cao công tác tuyên truyền để toàn xã hội nhận thức đúng đắn về công tác giáo dục, đào tạo để thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI, Tỉnh uỷ ban hành Chương trình hành động số 51-CTr/TU ngày 23/7/2014, Uỷ ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 5447/KH-UBND ngày 24/11/2014 thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định

hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi làm cơ sở thuận lợi cho việc chỉ đạo, phát triển giáo dục trên địa bàn.

2. Không ngừng đổi mới công tác quản lý Nhà nước trong giáo dục

- Tiếp tục thực hiện phân cấp quản lý giáo dục cho địa phương, Bộ, ngành theo Nghị định số 115/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ.

- Đến nay, có 13/14 huyện, thành phố trong tỉnh ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của Phòng Giáo dục và Đào tạo (*riêng Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nghĩa Hành đã hoàn chỉnh hồ sơ trình UBND huyện trong học kỳ I nhưng đến nay vẫn chưa được phê duyệt, vì vậy chưa tạo được điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý, chỉ đạo nhằm nâng cao các hoạt động giáo dục và đào tạo trên địa bàn huyện theo quy định*).

- Triển khai thực hiện Thông tư 11/2015/TTLT-BNV-BGDĐT của Liên bộ Nội vụ - Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành ngày 29/5/2015 Hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, có hiệu lực thi hành từ 12/7/2015.

- Có 60 đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý bao gồm 36 trường THPT công lập, 03 trường THPT tư thục, 06 trường THCS DTNT huyện, 14 Trung tâm Giáo dục TX-HN&DN, 01 trường Giáo dục trẻ khuyết tật.

- Có 57 đơn vị sự nghiệp được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về Tài chính giai đoạn 2013 - 2015, bao gồm 33 trường và Trung tâm là đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động; 24 trường và 01 Trung tâm là đơn vị sự nghiệp do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động.

- Toàn ngành có 57/58 đơn vị trực thuộc Sở được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ giai đoạn 2013 -2015. Kết quả đạt được: Tổng kinh phí tiết kiệm trong năm 2014 là 9.105,114 triệu đồng (*Chín tỷ một trăm lẻ năm triệu một trăm mười bốn ngàn đồng*), trong đó :

- 14 Phòng Giáo dục và Đào tạo được triển khai Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

- Đã chỉ đạo các đơn vị giáo dục trong tỉnh thực hiện nghiêm túc quy định về công khai đối với các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân; tăng cường vai trò của các Sở Giáo dục và Đào tạo và chính quyền địa phương trong việc quản lý thu - chi tại các cơ sở giáo dục, xử lý nghiêm các

vi phạm. Triển khai, thực hiện Thông tư 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra, thi đua, khen thưởng

a) Công tác Thanh tra, kiểm tra

- Đã chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp tục đổi mới công tác thanh tra, thực hiện nghiêm túc các quy định về dạy thêm, học thêm; đẩy mạnh thanh tra về thu chi trong nhà trường.

- Triển khai, tổ chức thực hiện Nghị định 42/2013/NĐ-CP ngày 9/5/2013 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động thanh tra giáo dục, Sở Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quyết định kế hoạch thanh tra từng năm học;

- Hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về đưa công tác giáo dục phòng chống tham nhũng vào trong trường học.

- Công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo được Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện nghiêm túc. Trong những năm qua, chưa có công dân đến Sở Giáo dục và Đào tạo để khiếu nại, tố cáo; chỉ có công dân đến làm thủ tục hành chính như: xin cấp phát bằng cấp các loại,... tất cả đều được giải quyết kịp thời, đúng quy định.

Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo tiếp nhận qua công văn: Số đơn đã nhận: 47, trong đó: số đơn đủ điều kiện giải quyết: 20, số đơn đã giải quyết: 20. số đơn tồn đọng: 0. Tuy vậy, việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo có vụ việc còn chậm.

b) Công tác thi đua, khen thưởng

Đã chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng và triển khai các tiêu chí để đánh giá công tác thi đua theo hướng phân chia vùng, miền, được xác định bằng định lượng cụ thể để xét thi đua khen thưởng cuối năm học đã tạo động lực trong tổ chức các phong trào, từng bước đi vào chiều sâu, sát thực với thành tích của tập thể, cá nhân đơn vị cơ sở.

Cùng với việc khen thưởng kịp thời qua các hội thi, nhiều cá nhân, tập thể được khen thưởng chuyên đề, kỷ niệm ngày thành lập trường học; trong dịp tôn vinh ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 năm 2014, UBND tỉnh đã đề nghị và có 9 Nhà giáo Ưu tú được Chủ tịch nước Phong tặng danh hiệu trong năm 2014, nâng tổng số Nhà giáo Ưu tú trong toàn tỉnh là 29 Nhà giáo.

Ngày 18/4/2015, UBND tỉnh đã cho phép Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức Hội nghị biểu dương điển hình tiên tiến ngành giáo dục và đào tạo 5 năm (2011-2015), tổng kết 4 năm thực hiện Chỉ thị 1973/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương

đạo đức Hồ Chí Minh, tại Hội nghị đã trao tặng Huân chương lao động hạng Ba của Chủ tịch nước cho 3 cá nhân; Cờ thi đua Thủ tướng Chính phủ cho 2 tập thể xuất sắc; Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen cho 10 tập thể, 14 cá nhân có thành tích tiêu biểu trong phong trào thi đua yêu nước; Giám đốc Sở tặng giấy khen cho 57 tập thể, 159 cá nhân tiêu biểu.

Kết thúc năm học 2014-2015, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tặng Bằng khen cho Sở GDĐT Quảng Ngãi: *Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học*; là năm học có nhiều tiêu chí được Bộ GDĐT khen thưởng: Thanh tra, Giáo dục Trung học, Chuyên nghiệp - Thường xuyên, Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Pháp chế, Kế hoạch tài chính - Cơ sở vật chất, Học sinh sinh viên, Các cuộc vận động (*tặng 04 tiêu chí so với năm học 2013-2014*).

4. Công tác kiểm định chất lượng giáo dục, kiểm định gắn liền với việc xây dựng trường chuẩn quốc gia

- Trong từng năm học, UBND tỉnh đã ban hành chỉ thị nhiệm vụ trọng tâm năm học, trong đó nhấn mạnh tăng cường các giải pháp để khắc phục hiện tượng học sinh ngồi sai lớp, giảm tỷ lệ học sinh yếu kém; tiếp tục triển khai và thực hiện có hiệu quả chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về ngăn chặn học sinh bỏ học và xem đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của toàn ngành trong từng năm học.

- Nhằm đánh giá đúng chất lượng học tập của học sinh, từ kết quả tuyển sinh vào lớp 10 cũng như kết quả khảo sát lớp 6 đầu năm học, UBND tỉnh đã cho phép Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức kiểm tra học kỳ I, II theo đề chung toàn tỉnh các môn Toán, Ngữ văn, tiếng Anh cho khối lớp 9,10,11 và 08 môn Toán, Ngữ văn, tiếng Anh, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lý cho lớp 12 (học kỳ I), 03 môn Toán, Ngữ văn, tiếng Anh (học kỳ II), trên cơ sở đó ngành đã có những biện pháp chỉ đạo nâng cao chất lượng trong tỉnh, đặc biệt đối với học sinh khối 12.

- Đã chỉ đạo, Sở Giáo dục và Đào tạo kịp thời điều chỉnh nội dung dạy học theo hướng giảm tải, phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo chuẩn kiến thức, kỹ năng của Chương trình giáo dục phổ thông. Hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát các phòng giáo dục và đào tạo, cơ sở giáo dục phổ thông do sở giáo dục và đào tạo quản lý để thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đến cuối năm học 2014-2015 có 207/208 trường mầm non tự đánh giá, kết quả đạt cấp độ 1: 109 trường, đạt cấp độ 2: 16 trường, cấp độ 3: 8 trường, chưa đạt 74 trường. Sở đã tổ chức đánh giá ngoài 6 trường mầm non, kết quả 6 trường đạt cấp độ 3; đánh giá 8 trường tiểu học (không đạt 1, cấp độ 1: 02, cấp độ 2: 4, cấp độ 3: 1,); 7 trường trung học cơ sở (không đạt 1, cấp độ 1: 01, cấp độ 2: 2, cấp độ 3: 04); trường THPT 2 trường, 01 không đạt, đạt cấp độ 1; 01 trung tâm GDTX đạt cấp độ 1.

- Tiếp tục huy động các nguồn vốn hợp pháp, đúng pháp luật, kịp thời tham mưu với cấp ủy, chính quyền các cấp về đầu tư xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia đạt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện, thành phố nhiệm kỳ 2010-2015 kết thúc năm 2015, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia trong toàn tỉnh: mầm non: 25% (52/208), tiểu học: 65,0% (141/217), trung học cơ sở: 63,1% (106/168), trung học phổ thông: 46,2% (18/39).

5. Nâng cao đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục

- Kịp thời xây dựng Đề án triển khai sắp xếp, bố trí đội ngũ giáo viên phù hợp ở các cấp học; giải quyết dứt điểm tình trạng mất cân đối, thừa, thiếu cục bộ, nâng cao chất lượng giáo viên và cán bộ quản lý theo chuẩn nghề nghiệp.

- Sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan quản lý giáo dục đã tạo những thuận lợi cơ bản để đại bộ phận cán bộ quản lý trường học, giáo viên học tập đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ. Từ đó, đã tích cực tạo nên sự đồng bộ về cơ cấu đội ngũ, chuẩn hoá về trình độ đào tạo, góp phần quan trọng trong việc ổn định chất lượng giáo dục.

- Riêng trong năm học 2014-2015, thủ trưởng các cơ sở giáo dục trong tỉnh đã tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên học tập đạt chuẩn và nâng chuẩn, cụ thể:

+ Có 06 cán bộ, giáo viên hoàn thành Thạc sỹ; 374 cán bộ, giáo viên hoàn thành Đại học; 81 cán bộ, giáo viên hoàn thành Cao đẳng và 11 cán bộ, giáo viên hoàn thành Trung cấp.

+ Có 28 cán bộ, giáo viên đang theo Thạc sỹ; 937 cán bộ, giáo viên đang theo học Đại học và 61 cán bộ, giáo viên đang học Cao đẳng.

+ Có 135 cán bộ, giáo viên theo học các lớp quản lý giáo dục;

+ 41 cán bộ, giáo viên học lớp Cao cấp chính trị; 233 cán bộ, giáo viên học Trung cấp chính trị;

+ 100% cán bộ, giáo viên được học tập đầy đủ chương trình bồi dưỡng thường xuyên theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Đã chỉ đạo tổ chức và tập huấn cho các đơn vị triển khai thực hiện đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo song song với đánh giá xếp loại giáo viên theo Quyết định số 06/2006/QĐ-BNV của Bộ Nội vụ; kịp thời chỉ đạo tập huấn chuyên môn hè và bồi dưỡng thường xuyên trong năm học theo quy định đối với cán bộ quản lý, giáo viên các ngành học, cấp học trong tỉnh.

Giáo dục Mầm non: tổ chức 9 lớp/630 lượt người tham dự;

Giáo dục Tiểu học: tổ chức 20 lớp/1.269 lượt người tham dự;

Giáo dục Trung học: tổ chức 65 lớp/4.915 lượt người tham dự;

Giáo dục thường xuyên: tổ chức 03 lớp/520 lượt người tham dự;

Khảo thí và Kiểm định CLGD: tổ chức 02 lớp/204 lượt người tham dự.

II. Triển khai đồng bộ các dự án, đề án đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; huy động nguồn lực, có biện pháp đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục để xây dựng mới, cải tạo cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị dạy học nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục

1. Triển khai đồng bộ các dự án, đề án

- Dự án Giáo dục Trung học, Dự án THCS VKK Giai đoạn 2, Dự án SEQAP, Dự án Chương trình Phát triển Giáo dục, Dự án VVOB

- Đề án kiên cố hóa của trung ương; Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2012-2015; Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục Quốc dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, Đề án phát triển Trường THPT chuyên Lê Khiết tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2010-2020, Đề án nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông giai đoạn 2012-2015 và định hướng đến năm 2020 và nhiều nội dung hoạt động khác tạo thuận lợi cho giáo dục phát triển.

2. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục

a) Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất

Toàn ngành đã đầu tư hơn 129,526 tỷ đồng từ các nguồn vốn khác nhau góp phần phục vụ cho năm học mới. Tổng kinh phí trên dùng để: xây dựng mới 162 phòng học kiên cố, 92 phòng học bán kiên cố, sửa chữa 315 phòng học. Tu sửa các phòng bộ môn, nhà vệ sinh, tường rào, bàn ghế và nhà ở bán trú cho học sinh, nhà công vụ giáo viên, nhìn chung, cơ sở vật chất trường lớp, thiết bị dạy học đáp ứng nhu cầu của năm học mới.

b) Đầu tư mua sắm mới

Đã cho chủ trương và đề nghị các bộ, ngành Trung ương bố trí ngân sách chương trình mục tiêu quốc gia và các nguồn kinh phí khác thực hiện mua sắm, trang bị để thực hiện Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, dạy học ngoại ngữ, Nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông với số tiền hơn 23 tỷ đồng.

Bình quân chung trên địa bàn tỉnh, hàng năm toàn ngành dành khoản 5% kinh phí chi thường xuyên của sự nghiệp giáo dục để mua bổ sung sách và thiết bị trường học trang bị các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên.

Từ nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia (*Dự án Hỗ trợ giáo dục miền núi, vùng dân tộc thiểu số và vùng khó khăn*) được sử dụng để xây dựng cơ sở với số tiền 15.740 triệu đồng. Trong đó, kinh phí đầu tư cơ sở vật chất các trường mầm non đến trung học cơ sở giao cho UBND các huyện làm chủ đầu tư là: 11.223 triệu đồng để xây dựng các công trình chuyển tiếp cho 48 phòng học, 02 nhà luyện tập đa năng, 05 nhà hiệu bộ tầng, 03 nhà ăn, 04 phòng tăng bộ môn của 18 trường; kinh phí đầu tư xây dựng các trường THPT, DTNT giao cho Sở Giáo dục và Đào tạo và các trường trực thuộc làm chủ đầu tư là: 4.517 triệu đồng để xây dựng các công trình chuyển tiếp cho 6 phòng học tầng, 01 nhà tập đa năng, 01 nhà ở bán trú học sinh, 02 nhà hiệu bộ tầng, 02 nhà ở học sinh 6 phòng tầng của 07 trường; kinh phí trả nợ cho 04 công trình với số tiền 2.167 triệu đồng,...

Các đơn vị giáo dục trong tỉnh đã sử dụng kinh phí để tăng cường cơ sở vật chất phục vụ năm học mới và trong thời gian kế tiếp, kết quả:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Khối	Nguồn kinh phí			
		Nhà nước	Nhân dân	Địa phương	Nguồn khác
1	Phòng GDĐT	94.154	1.261	961	9.921
2	Các đơn vị thuộc	18.137	225	1.212	3.655
Tổng cộng		112.291	1.486	2.173	13.576

III. Thực hiện tốt chính sách của Trung ương, nhất là thực hiện chương trình, kế hoạch của Chính phủ về phát triển các trường phổ thông dân tộc bán trú. Nghiên cứu có chính sách của tỉnh để bảo đảm công bằng trong giáo dục, bao gồm các chính sách sau: hỗ trợ, khuyến khích học sinh nghèo học giỏi, học sinh 6 huyện miền núi là con em đồng bào dân tộc thiểu số; khuyến khích hỗ trợ giáo viên dạy giỏi; khuyến khích giáo viên về công tác tại huyện miền núi của tỉnh; tạo điều kiện cho giáo viên đã công tác lâu năm tại 6 huyện miền núi của tỉnh được về công tác tại các cơ sở giáo dục phổ thông thuộc các huyện đồng bằng và thành phố Quảng Ngãi

1. Phát triển các trường phổ thông dân tộc bán trú

- Sở Giáo dục và Đào tạo đã tham mưu UBND ban hành Quyết định số 1038/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT) giai đoạn 2013 – 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Theo kế hoạch từ năm 2013 đến năm 2020 tỉnh Quảng Ngãi sẽ thành lập số 74 trường trường PTDTBT của các cấp học như sau: Huyện Ba Tơ: sẽ thành lập 7 trường tiểu học và 5 trường THCS; Huyện Minh Long: sẽ thành

lập 6 trường tiểu học và 5 trường THCS; Huyện Sơn Hà: sẽ thành lập 3 trường tiểu học và 4 trường THCS; Huyện Sơn Tây: sẽ thành lập 9 trường tiểu học và 9 trường THCS; Huyện Trà Bồng: sẽ thành lập 2 trường tiểu học và 4 trường THCS; Huyện Tây Trà: sẽ thành lập 10 trường tiểu học và 10 trường THCS.

- Đến thời điểm báo cáo, cả tỉnh có 10 trường PTDTBT đã được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ trường phổ thông công lập, cụ thể như sau:

Huyện Tây Trà: Thành lập được 5 trường

+ Trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở Trà Thanh (Ban hành Quyết định thành lập trường ngày 07/7/2014);

+ Trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở Trà Nham (Ban hành Quyết định thành lập trường ngày 07/7/2014);

+ Trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở Trà Thọ (Ban hành Quyết định thành lập trường ngày 07/7/2014);

+ Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và Trung học cơ sở Trà Lãnh (Ban hành Quyết định thành lập trường ngày 07/7/2014);

- Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và Trung học cơ sở Trà Xinh (Ban hành Quyết định thành lập trường ngày 07/7/2014);

Huyện Sơn Hà: Thành lập được 1 trường

+ Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Sơn Ba (Ban hành Quyết định thành lập trường ngày 26/11/2014).

Huyện Ba Tơ: Thành lập được 1 trường trong kế hoạch năm học 2014-2015.

+ Trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở Ba Xa (Ban hành Quyết định thành lập trường ngày 28/10/2014).

Huyện Sơn Tây: Thành lập được 3 trường trong kế hoạch năm học 2014-2015.

+ Trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở Sơn Liên, xã Sơn Liên, huyện Sơn Tây (Quyết định thành lập số 267/QĐ-UBND, ngày 17/3/2015)

+ Trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở Sơn Màu, xã Sơn Màu, huyện Sơn Tây (Quyết định thành lập số 266/QĐ-UBND, ngày 17/3/2015)

+ Trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở Sơn Long, xã Sơn Long, huyện Sơn Tây (Quyết định thành lập số 246/QĐ-UBND, ngày 12/3/2015).

2. Tham mưu ban hành các chính sách đảm bảo công bằng trong giáo dục

Việc tham mưu ban hành các cơ chế chính sách hỗ trợ cho giáo viên và học sinh còn phụ thuộc rất nhiều yếu tố khách quan cũng như sự thẩm định của các cấp có thẩm quyền vì vậy việc ban hành được những chính sách hỗ trợ là sự thành công ban đầu tạo đà để ban hành những chính sách tiếp theo, đến thời điểm này đã có hai chính sách quan trọng được ban hành:

- Quyết định số 29/2014/QĐ-UBND ngày 18/6/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đạt Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước, thành tích cao tại các cuộc thi khu vực quốc gia, quốc gia, khu vực quốc tế, quốc tế.

- Quyết định 53/2013/QĐ-UBND ngày 05/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Ban hành Quy định chuyển công chức, viên chức đang công tác tại các cơ sở giáo dục công lập và phòng giáo dục và đào tạo tại miền núi, hải đảo về đồng bằng, thành phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Từ năm 2013 đến nay Sở đã thực hiện được 13 trường hợp được luân chuyển từ miền núi về đồng bằng.

Phần thứ hai

Kết quả thực hiện Nghị quyết số 09/2012/NQ-HĐND ngày 12/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện Nghị quyết số 09/2012/NQ-HĐND ngày 12/7/2012 của HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định 176/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2012 để thực hiện Nghị quyết. Đến nay, kết quả đã đạt:

I. Thuận lợi và khó khăn

1. Thuận lợi

- Được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch có tính khả thi làm cơ sở thực hiện.

- Hội đồng nhân dân tỉnh đã bố trí kinh phí hàng năm làm cơ sở thực hiện

- Tinh thần tự học, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên không ngừng được nâng lên.

2. Khó khăn

- Việc xây dựng phòng học các phòng chức năng chưa kịp thời.

- Việc bố trí giáo viên giảng dạy môn Tin học gặp khó khăn vì chưa thể phân công giáo viên khi chưa có phòng máy tính do đó ảnh hưởng đến việc lựa chọn đơn vị đầu tư trang thiết bị dạy học.

- Một số sản phẩm phần mềm, tư liệu dạy học cần mua sắm chưa có sự thẩm định của cơ quan Bộ Giáo dục và Đào tạo nên chưa đủ tính pháp lý để thực hiện mua sắm để xây dựng trung tâm học liệu số.

Điều kiện cơ sở vật chất và thiết bị hỗ trợ dạy và học ngoại ngữ, phòng bộ môn chuyên dụng còn thiếu nhiều; đa số phòng học chưa đáp ứng được yêu cầu tổ chức các hoạt động dạy học theo hướng đổi mới phương pháp. Một số trường đã được trang bị thiết bị hỗ trợ dạy và học ngoại ngữ, nhưng chưa phát huy tốt hiệu quả (thiếu phần mềm hoặc giáo viên chưa khai thác tích cực các nguồn học liệu qua mạng, chưa được trang bị hoặc tập huấn các kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng thiết bị); một số trường thiết bị xuống cấp không sử dụng được.

II. Mục tiêu

1. Mục tiêu tổng quát

Đến năm 2020, cùng với cả nước, giáo dục Quảng Ngãi thực hiện đổi mới căn bản toàn diện theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế; chất lượng giáo dục được nâng cao một cách toàn diện, gồm giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, năng lực sáng tạo, năng lực thực hành, năng lực ngoại ngữ và tin học đưa chất lượng giáo dục của tỉnh đạt mức trên trung bình của cả nước và khu vực; đáp ứng nhu cầu nhân lực nhất là nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và xây dựng kinh tế trí thức; đảm bảo công bằng xã hội trong giáo dục và cơ hội học tập suốt đời cho mỗi người dân, từng bước hình thành xã hội học tập.

Đảm bảo tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở các cấp học theo đúng mục tiêu chung của cả nước; phấn đấu đến năm 2020 có 99,5 trẻ em đi học đúng độ tuổi ở bậc tiểu học, 95% ở bậc trung học cơ sở, 80% thanh niên trong độ tuổi đạt học vấn trung học phổ thông và tương đương; có 70% trẻ em khuyết tật được đi học; số sinh viên đại học, cao đẳng đạt 400 sinh viên/vạn dân.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Tiểu học

- Đến năm 2015

+ Huy động trẻ em từ 6 đến 11 tuổi học các lớp TH đạt tỷ lệ 98%, trong đó tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 99,0%. Tỷ lệ học sinh được học 2 buổi/ngày đạt 70% (9 - 10 buổi/tuần). Tổ chức học 2 buổi/ngày và học bán trú đối với những nơi có điều kiện và nhu cầu; trên 70% trẻ khuyết tật được giáo dục hòa nhập; 80% học sinh được học tin học; 65% trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia.

+ Chất lượng: Có trên 55% học sinh đạt học lực giỏi môn tiếng Việt, trên 60% đạt học lực giỏi môn Toán và trên 45% học sinh có học lực giỏi, trên 99% hạnh kiểm “thực hiện đầy đủ”. Số học sinh được công nhận hoàn thành chương trình Tiểu học đạt tỷ lệ 99%.

b) Trung học cơ sở

- Đến năm 2015

+ Huy động học sinh trong độ tuổi từ 11 đến 14 vào học THCS đạt 94% ; đối với những xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn đạt tỷ lệ từ 70% trở lên. Tỷ lệ học sinh được học 2 buổi/ngày hoặc học trên 6 buổi/tuần đạt 40%. Số học sinh hoàn thành chương trình tiểu học hằng năm vào học lớp 6, đối với những xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn đạt tỷ lệ 97% trở lên; 100% học sinh được học tin học; Tỷ lệ học sinh tham gia học nghề đạt từ 70% trở lên trong tổng số học sinh khối lớp 8 và 9; Học sinh khối lớp 9 đạt ít nhất 95% có học lực đủ điều kiện xét tốt nghiệp trung học cơ sở.

+ 65% trường trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia.

+ Chất lượng: trên 15% học sinh xếp loại học lực giỏi; trên 35% học sinh xếp loại khá, giảm tỷ lệ học sinh có học lực yếu xuống dưới 5%; trên 95% học sinh được xếp loại hạnh kiểm khá, tốt; số học sinh xếp loại hạnh kiểm yếu dưới 0,2%.

c) Trung học phổ thông

- Đến năm 2015

+ Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS vào học THPT đạt 70%; có 60% học sinh học 2 buổi/ngày hoặc học trên 6 buổi/tuần.

+ Chất lượng: Trên 5% học lực giỏi; trên 30% học lực khá, số học sinh yếu giảm xuống dưới 10%; có trên 95% học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt; Tỷ lệ học sinh tham gia học nghề đạt ít nhất 95% trở lên trong tổng số học sinh khối 11 và 12; có ít nhất 95% tổng số học sinh khối lớp 12 đủ điều kiện tham dự kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông đạt ít nhất từ 85% trở lên trong tổng số học sinh tham dự kỳ thi; ít nhất 12% học sinh tốt nghiệp THPT loại khá, giỏi; trên 30% học sinh thi đỗ vào các trường đại học, cao đẳng; trên 35% học sinh dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia, khu vực đạt giải.

+ 45% trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

III. Đánh giá tình hình triển khai thực hiện kết quả đạt được

1. Thành lập Ban chỉ đạo, phân công nhiệm vụ

UBND tỉnh đã chỉ đạo, Sở Giáo dục và Đào tạo đã chủ trì, phối hợp với các sở liên quan thành lập Ban chỉ đạo liên ngành để chỉ đạo và triển khai thực hiện kế hoạch gồm đại diện lãnh đạo các sở, cơ quan có liên quan, do Giám đốc Sở GDĐT làm Trưởng ban; tổng hợp các kế hoạch triển khai hoạt động và đầu tư thực hiện Kế hoạch theo từng năm và từng giai đoạn để đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh trình UBND tỉnh theo quy định; phối hợp với Sở Tài chính xây dựng các kế hoạch đầu tư ngân sách của Tỉnh để thực hiện đề án nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2012-2015.

Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Quảng Ngãi chỉ đạo các Phòng Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan chức năng ở địa phương xây dựng kế

hoạch tuyển dụng giáo viên và cơ sở vật chất trường học đáp ứng việc dạy học ngoại ngữ, tin học theo đúng tiến độ thực hiện Kế hoạch chung của toàn tỉnh; kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch tại địa phương, định kỳ báo cáo Ban chỉ đạo liên ngành và Sở Giáo dục và Đào tạo.

2. Kết quả cụ thể:

a) Giáo dục Tiểu học:

Số lượng học sinh tiểu học 98.616 em; tỷ lệ huy động trẻ đi học đúng độ tuổi đạt 99,9% (cao hơn so với quyết định 1,9%).

Tỷ lệ học sinh học 2 buổi/ngày 40.884 em, tỷ lệ 41,45% (thấp hơn so với chỉ tiêu được giao, 70%), học sinh dân tộc học bán trú là 2.364 em, học sinh khuyết tật học hòa nhập là 691 em, tỷ lệ 0,68%.

Có 141/217 trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ 65%, đảm bảo chỉ tiêu được giao.

Có 97,6 % học sinh xếp loại hoàn thành chương trình môn tiếng Việt, đảm bảo chỉ tiêu được giao; 97,7% học sinh xếp loại hoàn thành môn Toán, đảm bảo chỉ tiêu được giao; có 99,6% học sinh xếp loại đạt về phẩm chất, 98% học sinh đạt về năng lực.

Chất lượng giáo dục được đảm bảo, đánh giá thực chất, đúng đối tượng; duy trì tốt sĩ số, giảm dần tỉ lệ học sinh lưu ban, bỏ học; nhân rộng phương pháp “Bàn tay nặn bột” trong dạy học môn Tự nhiên -Xã hội và Khoa học trong tỉnh để học sinh có cơ hội trải nghiệm trong học tập, trong thực tế cuộc sống nhằm nâng cao chất lượng dạy học,...

Kết quả có 119/197 giáo viên được công nhận là giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, tỷ lệ 60,4%.

Chỉ đạo các Phòng Giáo dục và Đào tạo nâng cao chất lượng giáo dục tiểu học như: Hội thảo nâng cao chất lượng tiếng Việt cho học sinh, sinh hoạt chuyên môn cụm; thao giảng chuyên đề, tăng cường kiểm tra chuyên môn đặc biệt đối với vùng khó khăn; tổ chức các hội thi: olympic tiếng Anh và Toán trên internet các cấp; thi viết và vẽ tranh về Vệ sinh nước sạch và môi trường, Viết chữ đúng - Rèn chữ đẹp, giao lưu Olympic Tiếng Anh cho giáo viên và học sinh, Ngày hội Đàn và hát dân ca cho học sinh Tiểu học và Trung học cơ sở ...

*** Đánh giá chung:**

- Sở đã làm tốt công tác duy trì về số lượng học sinh ra lớp, tăng dần chất lượng năm sau luôn cao hơn năm trước, một số chỉ tiêu so với tỉnh giao đã đạt và vượt như: trường đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ trẻ đi học đúng độ tuổi, chất lượng 2 mặt về về năng lực và phẩm chất của học sinh.

- Bên cạnh đó cũng còn một số chỉ tiêu chưa đạt: tỷ lệ học sinh học 02 buổi/ngày còn thấp.

b) Trung học cơ sở:

- Đầu năm học 2015-2016, toàn tỉnh có 168 trường THCS (kể cả 6 trường THCS DTNT huyện), có 20 trường 2 cấp học TH&THCS và 02 trường THPT có dạy THCS.

- Toàn cấp THCS có 72.103 học sinh, tỷ lệ huy động trẻ từ 11-14 tuổi đi học đạt 96,3%.

+ Có 106/168 trường THCS đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ 63,1%.

+ Có 14,3 % học sinh xếp loại học lực giỏi, thấp hơn chỉ tiêu tỉnh giao 0,07%; có 31,4% học sinh xếp loại học lực khá, thấp hơn chỉ tiêu tỉnh giao 0,086%; có 10,9 % tỷ lệ học sinh yếu, cao hơn chỉ tiêu tỉnh giao 5,9%; có trên 95,2 học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt; có 0,2 học sinh xếp loại hạnh kiểm yếu.

- Triển khai thực hiện công tác duy trì chuẩn Phổ cập giáo dục THCS đã được trong những năm qua, đảm bảo được các tiêu sau về phổ cập giáo dục THCS:

- Huy động trẻ 6 tuổi ra lớp 1: 19,439/19,555 (tỉ lệ: 99,4%)

- Tỉ lệ trẻ 11-14 tuổi hoàn thành CTTH: 98,3 %

- Tổng số học sinh tốt nghiệp tiểu học vào học lớp 6: 99,5%

- Tỉ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở 2 hệ: 98,9%

- Tỉ lệ tổng số thanh thiếu niên từ 15-18 tuổi tốt nghiệp trung học cơ sở (2 hệ): 89,2%.

- Số xã, phường, thị trấn giữ chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục Trung học cơ sở: 184/184.

- Tổng số đơn vị huyện, thành phố đạt chuẩn: 14/14 huyện.

* Đánh giá chung:

- Sở đã làm tốt công tác chỉ đạo nâng cao chất lượng dạy và học đối với cấp trung học cơ sở nhằm hạn chế tối đa tỷ lệ học sinh bỏ học do học yếu, một số chỉ tiêu so với tỉnh giao đã đạt và vượt như: trường đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ học sinh ra lớp trong độ tuổi.

- Bên cạnh đó cũng còn một số chỉ tiêu chưa đạt: chất lượng học sinh giỏi, khá thấp hơn so với chỉ tiêu tỉnh giao.

c) Trung học phổ thông:

- Toàn tỉnh có 37.039 học sinh trung học phổ thông. Trong đó, học sinh THPT công lập có 36.363 em chiếm 98,17%, học sinh ngoài công lập là 676 em, chiếm 1,83%. Học sinh trường chuyên 1.267 em. Học sinh là người dân tộc thiểu số là 3.076 em. Có 6,3% học sinh xếp loại học lực giỏi, tăng 1,3% so với tỉnh giao; có 34,1% học sinh xếp loại học lực khá, tăng 4,1% so với tỉnh giao; có 15,3 % học sinh xếp loại học lực yếu; có 94,3% học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt thấp so với chỉ tiêu tỉnh giao 0,07%. Có 16.619 học sinh

dự thi THPT quốc gia, kết quả có 88,8% học sinh đạt, cao hơn chỉ tiêu tỉnh giao 3,8%.

- Có 18/39 trường THPT đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ 46,1%, tăng 1,1% so với tỉnh giao.

- Quy mô học sinh THPT là dân tộc thiểu số (DTTS): số lượng học sinh là người DTTS của các trường THPT miền núi tăng dần theo từng năm học, cụ thể: năm học 2010-2011: 2210 học sinh, năm học 2011-2012: 2769 học sinh, năm học 2012-2013: 3123 học sinh, năm học 2013-2014: 3595 học sinh. Với trường THPT Dân tộc nội trú tỉnh, từ năm học 2010-2011 đến 2012-2013: 400 học sinh, năm học 2013-2014; 2014-2015 và 2015-2016 có 450 học sinh.

- 100% học sinh được học Tin học.

* Đánh giá chung:

- Sở đã tốt công tác chỉ đạo nâng cao chất lượng dạy và học đối với cấp trung học phổ thông nhằm đảm bảo cho kỳ thi THPT quốc gia 2 trong 1 đạt kết quả cao (tăng 3,8% so với chỉ tiêu), tỷ lệ học sinh có học lực khá, giỏi đạt tỷ lệ cao so với tỉnh giáo, trường đạt chuẩn quốc gia.

- Bên cạnh đó cũng còn một số chỉ tiêu chưa đạt: tỷ lệ học sinh yếu, kém vẫn còn cao.

IV. Các giải pháp đã triển khai thực hiện

1. UBND tỉnh đã thường xuyên báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, HĐND để tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy; UBND tỉnh cũng đã ban hành nhiều văn bản quan trọng để chỉ đạo chính quyền các cấp, các sở, ngành có liên quan đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức trong đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, trong học sinh, phụ huynh và các lực lượng xã hội về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông.

2. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên gắn với đổi mới công tác quản lý và đổi mới phương pháp dạy học theo đúng định hướng và quy hoạch phát triển nguồn nhân lực.

a) Đến thời điểm báo cáo, có 1.411 cán bộ quản lý các bậc học đạt trình độ chuẩn, trong đó trên chuẩn là 1.123 người, tỷ lệ 79,5% (có 01 trường hợp là Phó Hiệu trưởng trường THCS DTNT đạt trình độ trung cấp sư phạm là người dân tộc, có uy tín với học sinh chịu trách nhiệm quản lý công tác nội trú).

b) Năng lực đội ngũ cán bộ quản lý

- Có 35/126 cán bộ quản lý các trường THPT đạt trình độ thạc sỹ, tỷ lệ 27,8%, (thấp hơn so với quyết định là 22,2%).

- Có 89,8% cán bộ quản lý ngành học mầm non trên chuẩn (354/394); có 89,2% cán bộ quản lý tiểu học đạt trình độ trên chuẩn (429/481); có 79,5% cán bộ quản lý các trường THCS đạt trình độ trên chuẩn (303/381).

- Có 3,05% cán bộ quản lý giáo dục mầm non có trình độ cử nhân quản lý trở lên (12/354).

- Có 4,99% cán bộ quản lý giáo dục tiểu học có trình độ cử nhân quản lý trở lên (24/481).

- Có 8,92% cán bộ quản lý giáo dục trung học cơ sở có trình độ cử nhân quản lý trở lên (34/381).

- Có 13,49% cán bộ quản lý giáo dục trung học phổ thông có trình độ cử nhân quản lý trở lên (17/126).

- Chỉ tiêu cán bộ quản lý có trình độ cử nhân quản lý giáo dục thấp so với quy định (quy định 20%).

c) Năng lực đội ngũ giáo viên

- Về trình độ đào tạo: 100% cán bộ quản lý có trình độ Tin học A trở lên, đạt.

- 100% giáo viên các cấp học đạt chuẩn trình độ đào tạo các cấp học theo Luật Giáo dục.

- Có 63,4% giáo viên ngành học mầm non đạt trình độ trên chuẩn đào tạo (1.444/2.279).

- Có 73,3% giáo viên ngành học tiểu học đạt trình độ trên chuẩn đào tạo (3.772/5.144).

- Có 48,7% giáo viên ngành học trung học cơ sở đạt trình độ trên chuẩn đào tạo (2.477/5.091).

- Có 7% giáo viên ngành học trung học phổ thông đạt trình độ trên chuẩn đào tạo (158/2.246).

- Chỉ tiêu giáo viên có trình độ trên chuẩn cao so với quy định.

3. Thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, thi, kiểm tra và đánh giá chất lượng giáo dục

- Công tác chỉ đạo và kết quả thực hiện vận dụng, đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh; chỉ đạo các phòng GDĐT, các cơ sở giáo dục tăng cường quản lý đổi mới PPDH, KTĐG; chỉ đạo dạy học phân hóa theo năng lực HS; kết quả ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới dạy học.

- Sở đã xây dựng kế hoạch, chương trình đổi mới phương pháp, các trường xây dựng kế hoạch đổi mới phương pháp dạy học, mỗi cán bộ, giáo viên có một đổi mới về phương pháp. Có nhiều sáng tạo và thu được nhiều kết quả trong giảng dạy, phù hợp với đặc trưng bộ môn; phát huy được sự tích cực chủ động của học sinh trong học tập, từ đó nâng cao được hiệu quả giờ dạy. Chỉ đạo các đơn vị về sinh hoạt tổ chuyên môn. Tại các trường THPT, THCS đã chú trọng sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn và đổi mới phương pháp

dạy học. Các tổ chuyên môn có lưu trữ các hoạt động, các biên bản trao đổi chuyên môn.

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng đối với cán bộ quản lý, giáo viên về dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng; tập huấn qui trình ra đề thi, kiểm tra; các bồi dưỡng khác.

- Có biện pháp giúp đỡ học sinh học lực yếu kém, giảm tỷ lệ học sinh bỏ học, phát hiện bồi dưỡng học sinh có năng khiếu. 100% các đơn vị lập kế hoạch phụ đạo học sinh yếu, bước đầu đạt một số kết quả, tỉ lệ học sinh yếu, bỏ học giảm.

4. Về tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, các trang thiết bị thuộc Đề án

a) Đã thực hiện nguồn kinh phí được phân bổ hàng năm

- Kinh phí bố trí

Kinh phí tiếp tục đầu tư thường xuyên dùng cho mua sắm thiết bị dạy học là 55.331 triệu đồng. Cảnh đó, kinh phí tiếp tục đầu tư là 99.200 triệu đồng.

Tổng kinh phí theo Quyết định để đầu tư thực hiện nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông là 154.531 triệu đồng. Tuy vậy, số kinh phí được cấp và thực hiện đến thời điểm báo cáo là 21.907 triệu đồng (theo phụ lục đính kèm).

Năm học 2013-2014:

Tổ chức lớp tập huấn bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý các trường tiểu học, THCS và THPT (300 cán bộ quản lý và giáo viên tham gia). Nguồn kinh phí thực hiện thuộc dự án: dạy, học ngoại ngữ và Đề án nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh. Tổng kinh phí thực hiện 665 triệu đồng.

Năm học 2014-2015:

Tháng 11 năm 2014, mua sắm 180 bộ máy vi tính và 5 máy chiếu cung cấp cho 03 trường tiểu học và 10 trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Nguồn kinh phí thực hiện thuộc dự án: dạy, học ngoại ngữ và Đề án nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh. Tổng kinh phí mua sắm: 2.204,768 triệu đồng; mua sắm 175 bộ máy vi tính và 7 máy chiếu cung cấp cho 05 trường tiểu học, 08 trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Kinh phí thuộc dự án: dạy, học ngoại ngữ và Đề án nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh. Tổng kinh phí mua sắm là: 2.204,510 triệu đồng.

Tháng 12 năm 2014, mua sắm 12 bộ thiết bị tương tác đa điểm cung cấp cho 04 trường tiểu học, 09 trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Kinh phí thuộc dự án: dạy, học ngoại ngữ và Đề án nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh. Tổng kinh phí mua sắm là: 220 triệu đồng.

Năm học 2015-2016:

Sở Giáo dục và Đào tạo đang triển khai mua sắm 588 bộ máy vi tính và 31 máy chiếu, 31 thiết bị tương tác đa điểm cung cấp cho các trường thuộc các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Trà Bồng, Tây Trà, Sơn Hà, Sơn Tây và Thành phố Quảng Ngãi thuộc Dự án nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông năm 2015> Tổng kinh phí mua sắm: 8.020,760 triệu đồng; Mua sắm 553 bộ máy vi tính và 26 máy chiếu, 26 thiết bị tương tác đa điểm cung cấp cho các trường thuộc các huyện Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Minh Long, Mộ Đức, Đức Phổ, Ba Tơ và huyện Lý Sơn thuộc Dự án nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông năm 2015. Tổng kinh phí mua sắm: 7.411,024 triệu đồng.

- Thực hiện mua sắm thiết bị phục vụ dạy học Tin học cho các đơn vị

T T	Huyện	Số trường		Năm 2014		Số trường cấp 2015			Số máy cấp 2015	Tỷ lệ đầu tư đạt	
		TH	THCS	TH	THCS	TH	THCS	THPT		TH	THCS
1	Bình Sơn	34	24	1	3	2	2		70	8,82%	21%
2	Sơn Tịnh	11	10	1	3	3	4		125	36,36%	70%
3	TPQN	16	18	1	2	2	4		110	18,75%	33%
4	Tư Nghĩa	28	16	1	2	0	2		40	3,57%	25%
5	Mộ Đức	20	15	1	2	1	4		95	10,00%	40%
6	Đức Phổ	21	15	1	1	2	4		110	14,29%	33%
7	Nghĩa Hành	17	12	1	2	1	3		75	11,76%	42%
8	Ba Tơ	20	18	0	0	2	4		110	10,00%	22%
9	Minh Long	6	6	1	1	2	1		50	50,00%	33%
10	Sơn Tây	9	7	0	0	1	3		75	11,11%	43%
11	Sơn Hà	18	15	0	0	2	2		70	11,11%	13%
12	Tây Trà	10	5	0	0	2	1		50	20,00%	20%
13	Trà Bồng	11	10	0	0	2	2		70	18,18%	20%
14	Lý Sơn	4	2	0	2	0	0		0	0,0%	100%
15	Khối DTNT huyện		6				3		30		50%
16	Khối THPT							14	215		
	Cộng	225	179	8	18	24	39	14	1295	14,22%	31,84%

- Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực

+ Lớp tập huấn bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý các trường tiểu học, THCS và THPT (300 người)

+ Lớp tập huấn ứng dụng công nghệ thông tin cho giáo viên (04 lớp, 280 người).

b) Đánh giá triển khai hoạt động tăng cường cơ sở vật chất của Kế hoạch.

Với nguồn kinh phí được phân bổ, bước đầu đã trang thiết bị cho 103 trường Tiểu học, THCS, THPT. Đến thời điểm này 04 huyện đồng bằng (Bình Sơn, Mộ Đức, Tư Nghĩa, Đức Phổ) đã triển khai dạy Tin học cho tất cả các trường THCS trên địa bàn, số trường TH dạy tin học đã tăng từ 5 trường đã lên 32 trường.

Căn cứ mục tiêu cụ thể của Đề án đến năm 2015: Tiểu học phải đảm bảo 80% học sinh được học Tin học và THCS phải đảm bảo 100% học sinh được học Tin học và so sánh với đầu tư trong hai năm 2014, 2015 thì tỷ lệ đạt sau hai năm đầu tư là 14,22% đối với tiểu học và 31,84% đối với THCS. Do vậy mục tiêu của Đề án về việc dạy tin học sẽ không hoàn thành trong năm 2015.

Nội dung xây dựng thư viện số triển khai còn vướng mắc vì tính pháp lý (một số phần mềm, tài liệu cần phải có thẩm định của Bộ) nên rất khó triển khai.

V. Những hạn chế

1. Cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên chưa đáp ứng được yêu cầu, đặc biệt trong việc dạy học 02 buổi/ ngày.

2. Kinh phí đầu tư cho Kế hoạch thực hiện Đề án chưa được đầy đủ.

3. Việc học nâng chuẩn đối với cán bộ quản lý, đặc biệt đối với cấp THPT không thực hiện đúng theo kế hoạch; việc cán bộ quản lý có trình độ cử nhân quản lý giáo dục thấp so với yêu cầu.

4. Nguyên nhân của những hạn chế

a) Kinh phí đầu tư cho Kế hoạch thực hiện còn hạn chế, chưa bố trí kinh phí đáp ứng theo lộ trình.

b) Việc tham gia học thạc sỹ của cán bộ quản lý cấp THPT chưa được thực hiện do cán bộ quản lý đa phần lớn tuổi, ngại học tập. Cạnh đó, việc thi đầu vào của các lớp thạc sỹ ngày càng khó; nhiều trường hợp thi nhiều lần nhưng không đỗ nên dẫn đến chán nản.

Việc học cử nhân quản lý giáo dục còn nhiều khó khăn, lúng túng vì hầu hết cán bộ quản lý giáo dục các cấp chỉ học chương trình quản lý giáo dục do Trường cán bộ quản lý giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức hoặc trường Đại học Phạm Văn Đồng tổ chức đối với giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở.

Phần thứ ba

Định hướng đến năm 2020

Bám sát Nghị quyết 09/2012/NQ-HĐND ngày 05/10/2012 của HĐND tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, cùng với việc thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu đã được nêu trong nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, UBND tỉnh tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả mục tiêu đến năm 2020

I. Tiểu học

Tiếp tục duy trì và nâng dần các chỉ tiêu đã đạt được trong giai đoạn 2012-2015 một cách bền vững, cải thiện cơ hội điều kiện nhập học nhất là học sinh dân tộc thiểu số; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; huy động trẻ em 6 đến 11 tuổi học các lớp tiểu học đạt tỷ lệ 99,2%, trong đó tỷ lệ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 99,5%; tỷ lệ học sinh học 2 buổi/ngày trên 70%(9-10 buổi/tuần), tổ chức học 2 buổi/ngày và bán trú đối với những nơi có điều kiện và nhu cầu; 100 học sinh học 5 buổi/tuần, trong đó 90% học sinh học 2 buổi/ngày; 99% số trẻ 11 tuổi được công nhận hết bậc tiểu học; 70% số trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia.

II. Trung học cơ sở

Tiếp tục duy trì và nâng dần các chỉ tiêu đã đạt được trong giai đoạn 2012-2015 một cách bền vững. Đảm bảo 100% số trường được trang bị phòng học bộ môn Tin học để tất cả học sinh được học và tiếp cận internet; 50% học sinh được học 2 buổi/ngày hoặc học 6 buổi/tuần. 100% trường đạt chuẩn quốc gia có đủ phòng học bộ môn; 75% số trường trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia.

III. Trung học phổ thông

Tỷ lệ huy động học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông đạt từ 75% trở lên, 70% học sinh học 2 buổi/ngày hoặc học trên 6 buổi/tuần; 60% số trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

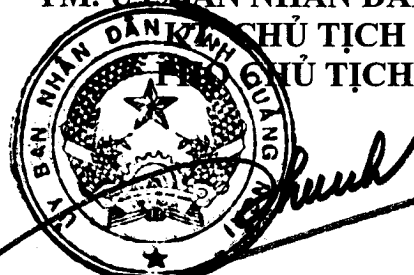
VI. Kiến nghị: Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép tiếp tục bố trí nhân lực, nguồn lực để thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 09/2012/NQ-HĐND ngày 27/10/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh đến năm 2020.

Kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo)
- Hội đồng nhân dân tỉnh;
- CT, PCT (VX) UBND tỉnh;
- VP. ĐĐBQH và HĐND tỉnh;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- VPUB: CVP, PCVP (VX),
- KTTH, CBTH;
- Lưu: VT, VX (HQ759).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



Lê Quang Thích